

PHỤ LỤC 02
HỒ SƠ VAY VỐN QUÝ ĐẦU TƯ
(*Ban hành theo Quy trình cho vay tạm thời ngày 07/08/2017
của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội*)

A. HỒ SƠ PHÁP LÝ DOANH NGHIỆP

I. Hồ sơ pháp lý chung cho mọi loại hình doanh nghiệp

1. Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*Đối với khách hàng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, khách hàng là tổ chức khác*)
2. Quyết định thành lập đối với Công ty TNHH một thành viên (*Đối với khách hàng hoạt động theo Luật doanh nghiệp*)
3. Giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền cấp (*Đối với khách hàng là doanh nghiệp hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài*)
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*Đối với khách hàng hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã*)
5. Giấy phép hành nghề đối với ngành nghề cần giấy phép (*Đối với khách hàng hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã*)
6. Giấy chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu;
7. Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp.
8. Quy chế tài chính; Quy chế phân cấp quản lý tài chính đối với doanh nghiệp có phân cấp.
9. Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) và Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng Kế toán;
10. Các tài liệu khác liên quan tới quản lý vốn và tài sản
11. Thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đối với Doanh nghiệp là thành viên của Tổng công ty (nếu có).
12. Biên bản họp và Nghị quyết về việc xin vay của cấp có thẩm quyền, v.v.. ghi rõ việc uỷ quyền hoặc xác định về thẩm quyền trong quan hệ vay vốn như: văn bản của Hội đồng quản trị, uỷ quyền của Tổng Giám đốc, Giám đốc cho người khác ký hợp đồng... (yêu cầu bản chính)
13. Các giấy tờ khác có liên quan (mẫu dấu, chữ ký...) (yêu cầu bản chính).
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.
15. Giấy đăng ký số hiệu tài khoản tại ngân hàng theo chỉ định của Quỹ Đầu tư;
16. Các văn bản, giấy tờ pháp lý khác đối với từng loại hình Doanh nghiệp và các giấy tờ khác có liên quan.

II. Hồ sơ pháp lý đối với từng loại hình doanh nghiệp

Công ty cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh:

1. Biên bản góp vốn, Danh sách thành viên hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của Công ty (nếu có);
2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Hội đồng thành viên (HĐTV), Ban kiểm soát, Ban điều hành, thành viên Công ty hợp danh;
3. Biên bản họp HĐQT hoặc HĐTV và Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) và Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng Kế toán (nếu có);
4. Biên bản họp HĐQT hoặc HĐTV cử người đại diện vay vốn Quỹ Đầu tư, văn bản ủy quyền cho người đại diện mang tài sản của Công ty thế chấp, cầm cố, ký kết các loại giấy tờ cần thiết cho việc vay vốn, Chứng minh nhân dân của người đại diện (nếu trong Điều lệ không quy định cụ thể về quyền hạn của người đại diện đi vay vốn).

Doanh nghiệp tư nhân; Hợp tác xã:

1. Trường hợp Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc không phải là chủ Doanh nghiệp thì phải có văn bản ủy quyền của chủ Doanh nghiệp về việc vay vốn tại Quỹ Đầu tư.

2. Biên bản góp vốn của xã viên;

3. Danh sách ban quản trị hoặc Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Hợp tác xã.

Giấy tờ pháp lý đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện:

1. Giấy phép kinh doanh đối với các ngành, nghề theo Pháp luật quy định hiện hành;

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề theo Pháp luật quy định hiện;

3. Chứng chỉ hành nghề đối với ngành, nghề theo Pháp luật quy định hiện hành;

4. Hồ sơ mua bảo hiểm đối với tài sản và hoạt động của Khách hàng bắt buộc phải mua bảo hiểm theo quy định của Pháp luật bao gồm:

✓ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không đối với hành khách;

✓ Các loại bảo hiểm khác theo quy định của Pháp luật.

B. HỒ SƠ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Báo cáo tài chính ba năm gần nhất (được kiểm toán kèm theo báo cáo thuế) và quý gần nhất. Báo cáo tài chính định kỳ, lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán;

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Thuyết minh Báo cáo tài chính;

- Bảng cân đối số phát sinh chi tiết các tài khoản;

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (nếu có);

- Các báo cáo của Kiểm toán độc lập;

2. Tờ khai thuế giá trị gia tăng

3. Giấy xác nhận nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế đến thời điểm hiện tại.

4. Bảng kê chi tiết phải thu, phải trả lớn;

5. Bảng kê các loại công nợ tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước (kèm theo hợp đồng tín dụng của các TCTD);

6. Các hồ sơ khác thể hiện năng lực hoạt động và tài chính của doanh nghiệp: hợp đồng thuê kho, mặt bằng kinh doanh (nếu có), hình ảnh cơ sở sản xuất kinh doanh, kho hàng của Khách hàng, các hợp đồng kinh tế đầu vào, đầu ra có giá trị lớn (tiểu biểu) đã và đang thực hiện,...

C. HỒ SƠ DỰ ÁN VAY VỐN

1. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có); Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo đầu tư nếu dự án chỉ cần lập Báo cáo đầu tư kèm theo là Thiết kế cơ sở và khái toán của dự án.

2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Kèm theo:

- Các quyết định, văn bản chỉ đạo, tham gia ý kiến, các văn bản liên quan chế độ ưu đãi, hỗ trợ... của các cấp, các ngành có liên quan (nếu có).

- Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy (chỉ với những dự án có yêu cầu).

- Quyết định giao đất, cho thuê đất, hợp đồng thuê đất / thuê nhà xưởng để thực hiện dự án (nếu có).

- Các văn bản liên quan đến việc đèn bù, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng (nếu có).
 - Các văn bản ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền.
 - 3. Thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán của cấp có thẩm quyền (nếu có, có thể bổ sung trước khi giải ngân).
 - 4. Báo cáo khối lượng đầu tư hoàn thành, tiến độ triển khai thực hiện dự án (nếu dự án đang được tiến hành đầu tư).
 - 5. Tài liệu chứng minh về vốn đầu tư hoặc các nguồn vốn tham gia đầu tư dự án (nếu đã thực hiện đầu tư hoặc dự án có nhiều nguồn vốn tham gia đầu tư).
 - 6. Giấy phép xây dựng (nếu là công trình yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng).
 - 7. Các văn bản liên quan đến quá trình đấu thầu thực hiện dự án (có thể bổ sung sau): Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Hồ sơ chỉ định thầu, đấu thầu rộng rãi theo quy định hiện hành; Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; hợp đồng giao nhận thầu....(Theo quy định hiện hành)
 - 8. Hợp đồng thi công xây lắp, cung cấp thiết bị, phê duyệt hợp đồng nhập khẩu thiết bị (có thể bổ sung sau).
 - 9. Các hợp đồng tư vấn (nếu có).
 - 10. Các văn bản, hồ sơ bổ sung khác (việc yêu cầu phải tuỳ theo tính chất, đặc điểm của từng dự án cụ thể).
 - 11. Các giấy tờ khác liên quan đến Dự án đầu tư, mục đích sử dụng tiền vay và đảm bảo Dự án được phát triển hợp pháp.
 - 12. Hồ sơ chứng từ chứng minh vốn tham gia vào dự án (đối với dự án đang thực hiện đầu tư)
 - 13. Chứng từ chứng minh vốn tự có của CĐT tham gia vào dự án
- Lưu ý:** Đối với những dự án chuyển tiếp, CBTD phải đổi chiểu danh mục các tài liệu trên và chỉ yêu cầu khách hàng cung cấp những tài liệu còn thiếu.

D. HỒ SƠ KHOẢN VAY

1. Giấy đề nghị vay vốn
2. Phương án sản xuất kinh doanh, khả năng vay trả, nguồn trả và biện pháp bảo đảm tiền vay.
Kèm theo:
 - Tài liệu đánh giá, chứng minh nguồn cung cấp nguyên vật liệu, thị trường của dự án (nếu có).
 - Các hợp đồng kinh tế (*về hàng hoá, xuất nhập khẩu, cung ứng dịch vụ, v.v..*)

E. HỒ SƠ BẢO ĐẢM TIỀN VAY

Tuỳ theo từng biện pháp bảo đảm tiền vay mà photo các loại giấy tờ chứng minh bảo đảm tiền vay kèm theo, Bản chính liên quan biện pháp bảo đảm tiền vay nộp trước khi ký hợp đồng tín dụng. Trong đó một số lưu ý đối với một số hình thức bảo đảm tiền vay như sau:

1. Hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố tài sản hiện có:
a. *Giấy tờ pháp lý chứng nhận quyền sở hữu tài sản*

Trong đó, một số loại chủ yếu như sau:

- Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu: Giấy tờ bản chính quyền sở hữu tài sản.
- Phương tiện vận tải tàu thuyền: Giấy chứng nhận đăng ký, giấy phép lưu hành.

- Đất đai và tài sản gắn liền trên đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan đến tài sản gắn liền trên đất.
 - Hóa đơn, vận đơn chứng từ liên quan, các biên bản bàn giao, quyết định giao tài sản (nếu tài sản do cấp trên giao)
 - Các chứng từ có giá (sổ tiết kiệm, kỳ phiếu, trái phiếu....)
 - Trường hợp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba, ngoài các giấy tờ như trên cần có: Cam kết bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba để khách hàng vay vốn.*
 - b. *Hợp đồng/ giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản/ giấy uỷ quyền thu hưởng tiền bảo hiểm* (nếu phải bảo hiểm theo quy định);
 - c. *Các giấy tờ khác phù hợp với quy định của pháp luật.*
2. **Hồ sơ bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng gồm:**
- Các tài liệu quy định mức, thời gian, thẩm quyền bảo lãnh của tổ chức tín dụng
 - Các hồ sơ giới thiệu năng lực của tổ chức tín dụng
 - Nhận hợp đồng bảo lãnh, Thư bảo lãnh.
3. **Tài sản hình thành trong tương lai**
- Dự án đầu tư được duyệt;
 - Văn bản chấp nhận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Giấy chứng nhận đầu tư;
 - Giấy phép xây dựng (nếu có);
 - Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán kèm theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật và dự toán chi tiết;
 - Hợp đồng/ giấy chứng nhận bảo hiểm (nếu tài sản phải mua bảo hiểm);
 - Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

GHI CHÚ

Quỹ Đầu tư nhận hồ sơ vay vốn của Chủ đầu tư theo 2 đợt như sau:

*** Đợt 1: bao gồm các tài liệu**

- + Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (Mục A);
- + Hồ sơ tài chính (Mục B);
- + Hồ sơ dự án vay vốn (từ khoản 1 đến khoản 2 mục C);
- + Hồ sơ khoản vay (Mục D).
- + Hồ sơ bảo đảm tiền vay photo các loại giấy tờ chứng minh bảo đảm tiền vay kèm theo, Bản chính liên quan biện pháp bảo đảm tiền vay nộp trước khi ký hợp đồng tín dụng

*** Đợt 2: bao gồm các tài liệu**

- + Hồ sơ dự án (từ khoản 3 đến khoản 13 mục C);
- + Các tài liệu cần bổ sung khác (nếu có).